

Số: 152/QĐ-THTV

Uông Bí, ngày 11 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2022
của Trường tiểu học Trung Vương**

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-TBTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 11826/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND thành phố Uông Bí "V/v giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu - chi ngân sách, đầu tư xây dựng năm 2022";

Căn cứ quyết định số 04/QĐ-PGDĐT ngày 04 tháng 01 năm 2022 của PGD Thành Phố Uông Bí "V/v điều chỉnh giảm và cấp bổ sung kinh phí nhà nước năm 2022"

Xét đề nghị của viên chức phụ trách kế toán về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2022 theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quý III năm 2022 của Trường Tiểu học Trung Vương (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Thời gian công khai kể từ ngày 11/10/2022 đến hết ngày 11/11/2022

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ tài vụ, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Lưu.



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Ngô Thị Huế

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2022
của Trường TH Trung vương**

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-TBTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-TBTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-TBTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 11826/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND thành phố Uông Bí "V/v giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu - chi ngân sách, đầu tư xây dựng năm 2022";

Căn cứ quyết định số 04/QĐ-PGDĐT ngày 04 tháng 01 năm 2022 của PGD Thành Phố Uông Bí "V/v điều chỉnh giảm và cấp bổ sung kinh phí nhà nước năm 2022"

Hôm nay, vào hồi 14h00' ngày 11/10/2022, tại phòng họp của Trường TH Trung Vương

1. Thành phần:

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 39/42 đ/c;
- Chủ trì: Đ/c Ngô Thị Huế - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c Tô Thị Hải - Chức vụ: Chủ tịch công đoàn
- Đại diện tài chính: Đ/c Phạm Thị Thu Hương - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/c Nguyễn Thùy Dương - Chức vụ: Giáo viên - Thư ký

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2022 của Trường TH Trung Vương. Căn cứ Quyết định số 11826/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND thành phố Uông Bí "V/v giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu - chi ngân sách, đầu tư xây dựng năm 2022" và căn cứ quyết định số 04/QĐ-PGDĐT ngày 04 tháng 01 năm 2022 của PGD Thành Phố Uông Bí "V/v điều chỉnh giảm và cấp bổ sung kinh phí nhà nước năm 2022" (Kèm theo Bản Dự toán thu - chi ngân sách năm 2022 của Trường TH Trung Vương)

2.2. Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 11/10/2022 đến hết ngày 11/11/2022.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại Bảng thông báo của Trường TH Trung Vương, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2022 của Trường TH Trung Vương, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua đ/c Nguyễn Thùy Dương - Chức vụ: Giáo viên – thư ký nhà trường để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2022 của Trường TH Trung Vương từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 16h00' ngày 11/10/2022.

Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Nguyễn Thùy Dương

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN
CHỦ TỊCH



Tô Thị Hải

KẾ TOÁN



Phạm T Thu Hương

CHỦ TRÌ
HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Huế

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG VƯƠNG

CHƯƠNG: 622 - LOẠI: 491 - KHOẢN:

MÃ ĐVSDNS: 1067391

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ 3 NĂM 2022

Kèm theo Quyết định số 152/QĐ-THTV ngày 14/10/2022 của Hiệu trưởng Trường THTV

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán quý 3/2022	Tổng số liệu quyết toán được duyệt quý 3/2022	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
I	Quyết toán thu, chi, nộp NS phí, lệ phí				
A	Tổng số thu				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Thu sự nghiệp khác				
B	Chi từ nguồn thu được để lại	-	-		
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ	-	-		
2.6	Chi % trích lại CSSKBĐ	-	-		
3	Hoạt động sự nghiệp khác				
C	Số thu nộp NSNN				
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ				
3	Hoạt động sự nghiệp khác				
II	Quyết toán chi NSNN				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.332.098.105	1.644.053.814		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.309.138.105	1.634.593.814		
	Mục: 6000: Tiền lương	616.762.475	616.762.475		
	TM: 6001: Lương ngạch bậc	616.762.475	616.762.475		
	TM: 6003: Tiền công trả cho người lao động thường xuyên	-	-		
	Mục: 6100: Phụ cấp lương	325.455.709	325.455.709		
	TM: 6101: Phụ cấp chức vụ	8.513.321	8.513.321		
	TM: 6106: Phụ cấp thêm giờ	-	-		
	TM: 6107: Phụ cấp độc hại, nguy hiểm	894.000	894.000		
	TM: 6112: Phụ cấp ưu đãi ngành	220.715.756	220.715.756		

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán quý 3/2022	Tổng số liệu quyết toán được duyệt quý 3/2022	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	TM: 6113: Phụ cấp trách nhiệm	1.341.000	1.341.000		
	TM: 6115: Phụ cấp thâm niên ngành + vượt khung	93.991.632	93.991.632		
	TM: 6149: Phụ cấp khác	-	-		
	Mục: 6250: Phúc lợi tập thể	14.269.800	14.269.800		
	TM: 6201: Thưởng thường xuyên theo định mức	-	-		
	TM: 6254: Tiền khám bệnh định kỳ	11.719.800	11.719.800		
	TM: 6249: Tiền nước uống	2.550.000	2.550.000		
	Mục: 6300: Các khoản đóng góp	171.590.266	171.590.266		
	TM: 6301: BHXH	127.779.983	127.779.983		
	TM: 6302: BHYT	21.905.141	21.905.141		
	TM: 6303: KPCĐ	14.603.428	14.603.428		
	TM: 6304: BHTN	7.301.714	7.301.714		
	Mục: 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	47.503.200	47.503.200		
	TM: 6404: Chi thu nhập tăng thêm	45.000.000	45.000.000		
	TM: 6449: Trợ cấp khác	2.503.200	2.503.200		
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	21.827.655	21.827.655		
	TM: 6501: Thanh toán tiền điện	12.481.895	12.481.895		
	TM: 6502: Thanh toán tiền nước	9.345.760	9.345.760		
	TM: 6504: Thanh toán VSMT	-	-		
	TM: 6549: Chi khác	-	-		
	Mục: 6550: Vật tư văn phòng	21.603.000	21.603.000		
	TM: 6551: Văn phòng phẩm	12.253.000	12.253.000		
	TM: 6552: Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	350.000	350.000		
	TM: 6553: công cụ, dụng cụ văn phòng	9.000.000	9.000.000		
	TM: 6599: Vật tư văn phòng khác		-		
	Mục: 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	-	-		
	TM: 6601: Cước điện thoại trong nước				
	TM: 6608: Thanh toán tiền mua báo		-		
	Mục: 6650: Hội nghị	-	-		
	TM: 6651: In mua tài liệu	-	-		
	TM: 6657: Các khoản thuê mướn khác	-	-		

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán quý 3/2022	Tổng số liệu quyết toán được duyệt quý 3/2022	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	TM: 6699: Chi phí khác	-	-		
	Mục: 6700: Công tác phí	5.200.000	5.200.000		
	TM: 6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe	600.000	600.000		
	TM: 6702: Phụ cấp công tác phí	500.000	500.000		
	TM: 6703: Tiền thuê phòng ngủ	2.000.000	2.000.000		
	TM: 6704: Khoản công tác phí	2.100.000	2.100.000		
	Mục: 6750: Chi thuê mướn	33.000.000	33.000.000		
	TM: 6757: Thuê lao động trong nước	33.000.000	33.000.000		
	TM: 6799: Chi thuê mướn khác	-			
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản, cơ sở hạ tầng	21.405.000	21.405.000		
	TM: 6907: Nhà cửa	-	-		
	TM: 6912: Thiết bị tin học	7.470.000	7.470.000		
	TM: 6913: Thiết bị VP	6.150.000	6.150.000		
	TM : 6921: Đường điện, cấp thoát nước	7.785.000	7.785.000		
	TM: 6949: Các tài sản và công trình cơ sở hạ tầng khác		-		
	Mục: 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành	27.901.000	27.901.000		
	TM: 7001: Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành		-		
	TM: 7004: Đồng phục, trang phục	-	-		
	TM: 7049: Chi phí khác	27.901.000	27.901.000		
	Mục: 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-	-		
	TM: 7053: Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		-		
	Mục: 7750: Chi khác	2.620.000	2.620.000		
	TM: 7756: Chi các khoản phí và lệ phí của đơn vị dự toán	1.320.000	1.320.000		
	TM: 7757: Chi BH tài sản và phương tiện		-		
	TM: 7799: Chi các khoản khác	1.300.000	1.300.000		
	Mục 7950: chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu	-	-		
	TM: 7952: chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp	-	-		
	TM: 7953: chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp	-	-		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22.960.000	9.460.000		
	Mục: 6100: Phụ cấp lương	-	-		
	TM: 6149: Phụ cấp khác		-		
	Mục: 6750: Chi thuê mướn	-	-		
	TM: 6750: Thuê lao động trong nước		-		

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán quý 3/2022	Tổng số liệu quyết toán được duyệt quý 3/2022	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	-	-		
	TM: 6501: Thanh toán tiền điện		-		
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	-	-		
	TM: 6157: chi phí học tập		-		
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản, cơ sở hạ tầng	9.460.000	9.460.000		
	TM: 6907: Nhà cửa				
	TM: 6912: Thiết bị tin học	9.460.000	9.460.000		
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	13.500.000	13.500.000		
	TM: 7053: Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13.500.000	13.500.000		
4	Chi sự nghiệp dân số, y tế và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
11	Chi chương trình mục tiêu				

Kế toán

Phạm Thị Thu Hương

Uống Bí, ngày 11 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Ngô Thị Huế